

Bản án số: 228/2024/DSST
Ngày: 14/5/2024
V/v “Tranh chấp hợp đồng tín dụng”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN 12, THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thị Vui

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Võ Văn Tốt

2. Bà Lâm Thị Nga

Thư ký phiên tòa: Ông Trần Thiện Quang – Thư ký Tòa án nhân dân Quận 12, Thành phố Hồ Chí Minh.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận 12, Thành phố Hồ Chí Minh: Bà Phạm Thị Hồng - Kiểm sát viên.

Ngày 14/5/2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân Quận 12, Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 451/2023/TLST-DS ngày 09 tháng 10 năm 2023 về việc “Tranh chấp hợp đồng tín dụng” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 308/2024/QĐXXST-DS ngày 28/3/2024, Quyết định hoãn phiên tòa số 433/2024/QĐ-ST ngày 22/4/2024 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Ngân hàng Thương mại Cổ phần S.

Đại diện theo pháp luật: Bà Nguyễn Đức Thạch D

Đại diện theo ủy quyền: Công ty TNHH MTV Q và Khai thác Tài sản Ngân hàng S

Đại diện theo pháp luật của Công ty: Ông Lê Ngọc T

Đại diện theo ủy quyền: Ông Lê Ngọc M (có đơn xin vắng mặt)

Địa chỉ: B N, phường V, Quận C, Thành phố Hồ Chí Minh.

- Bị đơn: Bà Nguyễn Thị Ngọc T1, sinh năm 1988 (vắng mặt)

Địa chỉ thường trú: 79 đường số C, Phường I, quận G, Thành phố Hồ Chí Minh

Địa chỉ tạm trú: 157 V, tổ B, khu phố B, phường A, Quận A, Thành phố Hồ Chí Minh

NỘI DUNG VỤ ÁN

Tại Đơn khởi kiện và trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn **Ngân hàng Thương mại Cổ phần S** có ông **Lã Ngọc M** là đại diện theo uỷ quyền trình bày:

Ngày 13/02/2019, bà **Nguyễn Thị Ngọc T1** có ký với **Ngân hàng TMCP S** (sau đây gọi tắt là Ngân hàng) Hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng (bao gồm Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kèm hợp đồng và bản điều khoản và điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng). Căn cứ thu nhập của bà **T1**, Ngân hàng đã đồng ý cấp thẻ tín dụng với hạn mức sử dụng là 15.000.000 đồng, với mục đích tiêu dùng cá nhân.

Sau khi được cấp thẻ tín dụng, bà **T1** đã thực hiện các giao dịch với tổng số tiền là 18.768.589 đồng. Trong quá trình sử dụng thẻ, từ ngày kích hoạt thẻ đến nay bà **T1** đã thanh toán cho Ngân hàng số tiền 10.399.000 đồng. Qua nhiều lần làm việc, nhắc nhở nhưng bà **T1** vẫn không có thiện chí trả nợ. Do bà **T1** vi phạm nghĩa vụ thanh toán nên ngày 23/02/2020 Ngân hàng đã chấm dứt quyền sử dụng thẻ và chuyển toàn bộ dư nợ còn thiếu sang nợ quá hạn. Tính đến ngày 14/5/2024, bà **Nguyễn Thị Ngọc T1** còn nợ **Ngân hàng Thương mại Cổ phần S** các khoản sau:

- Dư nợ gốc: 14.398.205 đồng
- Lãi quá hạn: 29.335.834 đồng

Tổng cộng: 43.734.039 đồng.

Ngân hàng Thương mại Cổ phần S đề nghị Tòa án buộc bà **Nguyễn Thị Ngọc T1** phải trả cho **Ngân hàng Thương mại Cổ phần S** số tiền tạm tính đến ngày xét xử ngày 14/5/2024 là 43.734.039 đồng (bao gồm dư nợ gốc: 14.398.205 đồng và lãi quá hạn: 29.335.834 đồng) và buộc bà **Nguyễn Thị Ngọc T1** có trách nhiệm thanh toán khoản lãi phát sinh từ ngày 15/5/2024 cho đến khi trả hết nợ vay theo lãi suất quy định trong hợp đồng.

Nguyên đơn **Ngân hàng Thương mại Cổ phần S1** yêu cầu cá nhân bà **T1** có trách nhiệm thanh toán khoản nợ trên, không yêu cầu đưa thêm người tham gia tố tụng.

Bị đơn bà **Nguyễn Thị Ngọc T1** đã được Tòa án tổng đạt Thông báo thụ lý cũng như triệu tập họp lệ nhưng vắng mặt và không có bản tự khai gửi cho Tòa án.

Tại phiên tòa sơ thẩm:

Nguyên đơn **Ngân hàng Thương mại Cổ phần S** do ông **Lã Ngọc M** là đại diện theo uỷ quyền có đơn xin xét xử vắng mặt và có bản tự khai vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện.

Bị đơn bà **Nguyễn Thị Ngọc T1** đã được Tòa án triệu tập họp lệ đến lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt không có lý do, không có văn bản trình bày ý kiến của

mình. Vì vậy, Toà án không ghi nhận được ý kiến của bị đơn bà **Nguyễn Thị Ngọc T1**.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận 12, Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa phát biểu quan điểm về việc giải quyết vụ án:

Về tố tụng: Từ khi thụ lý vụ án đến thời điểm này, nguyên đơn đã thực hiện đúng các quy định tại Điều 70, Điều 71 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; bị đơn chưa thực hiện đúng các quy định tại Điều 70, Điều 72 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Về nội dung: Căn cứ Điều 91, khoản 2 Điều 92 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, Điều 91, Điều 95 Luật các tổ chức tín dụng năm 2010, Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao đề nghị Hội đồng xét xử giải quyết vụ án theo hướng: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn **Ngân hàng Thương mại Cổ phần S**, buộc bị đơn bà **Nguyễn Thị Ngọc Thanh** thanh t cho nguyên đơn tổng số tiền tính đến ngày 14/5/2024 là 43.734.039 đồng, trong đó nợ gốc: 14.398.205 đồng, lãi quá hạn: 29.335.834 đồng. Trả ngay khi án có hiệu lực pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra công khai tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án:

Theo đơn khởi kiện đề ngày 23/8/2023 của **Ngân hàng Thương mại Cổ phần S** yêu cầu Toà án buộc bà **Nguyễn Thị Ngọc T1** phải trả ngay một lần cho Ngân hàng số tiền còn nợ phát sinh dựa trên hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng. Do đó, xác định quan hệ tranh chấp trong vụ án này là “Tranh chấp hợp đồng tín dụng”. Theo đơn khởi kiện thì nguyên đơn đã ghi đầy đủ và đúng địa chỉ cư trú của bị đơn theo Hợp đồng nhưng bị đơn thay đổi nơi cư trú mà không thông báo địa chỉ mới cho cơ quan, người có thẩm quyền theo quy định của pháp luật về cư trú nên Toà án tiến hành thụ lý và giải quyết theo thụ tục chung chung. Tại Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kèm hợp đồng thì bà **Nguyễn Thị Ngọc T1** cung cấp địa chỉ nơi ở hiện tại tại **Quận A**, do đó thẩm quyền giải quyết vụ án thuộc Toà án nhân dân Quận 12 theo quy định tại khoản 3 Điều 26, Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[2] Về sự vắng mặt của các đương sự

Đại diện theo uỷ quyền của nguyên đơn là ông **Lã Ngọc M** có đơn xin vắng mặt, bị đơn bà **Nguyễn Thị Ngọc T1** đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt không có lý do. Do đó, Tòa án xét xử vắng mặt các đương sự theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227 và Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[3] Về yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn

[3.1] Về yêu cầu trả tiền gốc và lãi quá hạn

Căn cứ vào Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kèm hợp đồng và bản Điều khoản và Điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng ngày 13/02/2019 của Ngân hàng thì các bên đã đồng ý với các điều khoản thoả thuận trong hợp đồng. Do bà Nguyễn Thị Ngọc T1 vi phạm nghĩa vụ thanh toán nên Ngân hàng Thương mại Cổ phần S khởi kiện là có cơ sở.

Đối với số tiền gốc và lãi: Ngày 13/02/2019, bà Nguyễn Thị Ngọc T1 có ký với Ngân hàng TMCP S (sau đây gọi tắt là Ngân hàng) Hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng (bao gồm Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kèm hợp đồng và bản điều khoản và điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng). Căn cứ thu nhập của bà T1, Ngân hàng đã đồng ý cấp thẻ tín dụng với hạn mức sử dụng là 15.000.000 đồng, với mục đích tiêu dùng cá nhân.

Sau khi được cấp thẻ tín dụng, bà T1 đã thực hiện các giao dịch với tổng số tiền là 18.768.589 đồng. Trong quá trình sử dụng thẻ, từ ngày kích hoạt thẻ đến nay bà T1 đã thanh toán cho Ngân hàng số tiền 10.399.000 đồng. Do bà T1 vi phạm nghĩa vụ thanh toán nên ngày 23/02/2020 Ngân hàng đã chấm dứt quyền sử dụng thẻ và chuyển toàn bộ dư nợ còn thiếu sang nợ quá hạn. Dựa trên bảng chiết tính các khoản nợ của Ngân hàng Thương mại Cổ phần S cung cấp cho Tòa án thì tính đến ngày 14/5/2024, bà Nguyễn Thị Ngọc T1 còn nợ Ngân hàng Thương mại Cổ phần S các khoản sau:

- Dư nợ gốc: 14.398.205 đồng
- Lãi quá hạn: 29.335.834 đồng

Tổng cộng: 43.734.039 đồng.

Căn cứ Điều 91, Điều 95 Luật Các tổ chức tín dụng năm 2010, điểm a khoản 1 Điều 13 của Nghị quyết 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân Tối cao và các mục 18, 19, 20, 21, 22, 23 và 24 bản Điều kiện và điều khoản phát hành và sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng TMCP S thì bà Nguyễn Thị Ngọc T1 đã vi phạm nghĩa vụ thanh toán theo thoả thuận, nên yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng buộc bà T1 phải trả cho Ngân hàng tổng số tiền tạm tính đến thời điểm xét xử là 43.734.039 đồng; trong đó: dư nợ gốc là 14.398.205 đồng; Lãi quá hạn: 29.335.834 đồng và yêu cầu bà T1 tiếp tục thanh toán khoản lãi phát sinh từ ngày 15/5/2024 cho đến khi trả hết nợ vay theo lãi suất quy định trong hợp đồng là có cơ sở chấp nhận.

[3.2] Xét ý kiến của đại diện Viện Kiểm sát nhân dân Quận 12, Thành phố Hồ Chí Minh phù hợp với nhận định của Tòa án nên được chấp nhận toàn bộ.

[4] Về án phí

Do yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Ngân hàng Thương mại Cổ phần S được chấp nhận nên nguyên đơn không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

Bị đơn bà **Nguyễn Thị Ngọc T1** phải chịu án phí dân sự sơ thẩm trên số tiền phải thanh toán cho nguyên đơn.

QUYẾT ĐỊNH

Vì các lẽ trên,

Căn cứ vào khoản 3 Điều 26, khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, Điều 227, Điều 228, Điều 227 và Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ vào các Điều 90, 91, 95 và Điều 98 Luật các Tổ chức Tín dụng;

Căn cứ Luật Thi hành án dân sự sửa đổi, bổ sung năm 2014;

Căn cứ Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao;

Căn cứ vào Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án do Ủy ban Thường vụ Quốc hội ban hành ngày 30/12/2016.

Tuyên xử:

1/ Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn **Ngân hàng Thương mại Cổ phần S**: Buộc bà **Nguyễn Thị Ngọc T1** phải có trách nhiệm thanh toán cho **Ngân hàng Thương mại Cổ phần S** số tiền gốc và lãi tạm tính đến ngày 14/5/2024 là 43.734.039 đồng (Bốn mươi ba triệu bảy trăm ba mươi bốn ngàn không trăm ba mươi chín đồng) (trong đó: dư nợ gốc là 14.398.205 đồng; Lãi quá hạn: 29.335.834 đồng). Ngoài ra, kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm cho đến khi thi hành án xong, bà **Nguyễn Thị Ngọc T1** còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất theo quy định tại Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kèm hợp đồng ngày 13/02/2019 và văn bản Điều kiện và điều khoản phát hành và sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng được ký kết giữa Ngân hàng và bà **Nguyễn Thị Ngọc T1** cho đến khi thanh toán hết khoản nợ.

2/ Về án phí dân sự sơ thẩm

Bị đơn bà **Nguyễn Thị Ngọc T1** phải chịu án phí 2.186.702 đồng (Hai triệu một trăm tám mươi sáu ngàn bảy trăm lẻ hai đồng).

Hoàn trả cho **Ngân hàng Thương mại Cổ phần S** số tiền 942.203 đồng (chín trăm bốn mươi hai ngàn hai trăm lẻ ba đồng) theo Biên lai đóng tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2023/0030664 ngày 09/10/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự Quận 12, Thành phố Hồ Chí Minh.

Thi hành án tại Cơ quan thi hành án có thẩm quyền.

3/ Về quyền kháng cáo

Các đương sự vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết. Viện kiểm sát có quyền kháng nghị theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Trong trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7 và Điều 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:

- TAND TPHCM;
- VKSND Quận 12;
- Chi cục THADS Quận 12;
- Các đương sự;
- Lưu HS-VP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trần Thị Vui